

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ X  
TỈNH AN GIANG**

Bản án số: 176/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 21 - 9 - 2022

V/v “Tranh chấp ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ X, TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thùy Giang.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Phan Thị Hồng Thảo;

2. Ông Nguyễn Tấn Hậu.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Tấn Kiệt - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố X.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố X tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Tuấn - Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 269/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 384/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 370/2022/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Hồ Thị Thúy V, sinh năm 1972

Địa chỉ: Số 47/1 khóm A, phường M, thành phố X, tỉnh An Giang

Nơi ở hiện nay: Khu vực H2, phường Th, quận N, thành phố Cần Thơ.

**- Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1975

Cư trú: Số 1/42 khóm H, phường M, thành phố X, tỉnh An Giang.

*Tại phiên tòa bà V vắng mặt và có đơn xin vắng mặt;*

*ông B vắng mặt.*

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo nội dung đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Hồ Thị Thúy V trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân và gia đình: Bà và ông Nguyễn Văn B tự nguyện quen biết tìm hiểu yêu thương và tiến đến hôn nhân vào năm 2002, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M, thành phố X, tỉnh An Giang. Sau khi kết hôn vợ chồng sống khá hạnh phúc, nhưng đến năm 2004 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Ông B ra ngoài làm ăn và có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Về nhà thì ông B thường xuyên cự cãi với tôi, cuộc sống vợ chồng không còn được hạnh phúc nữa. Vợ chồng cũng không còn thường xuyên chung sống. Ông B đi đi về về giữa nhà mẹ đẻ của bà V (nơi bà V đang ở cùng con) với nhà mẹ đẻ của ông B. Thời gian này ông B vẫn không sửa đổi tính tình, vẫn chửi bới tôi, thường xuyên nhậu nhẹt. Đến năm 2017, thì ông B bỏ đi luôn về nhà mẹ đẻ tới giờ, vợ chồng tôi không còn liên lạc, ông B cũng không về thăm con. Hiện nay tôi không còn tình cảm gì với ông B, cuộc sống vợ chồng từ lâu đã không còn hạnh phúc, không thể hàn gắn hay tiếp tục được nữa. Tôi kiên quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn ông B.

- Về quan hệ con chung: Bà V và ông B có một con chung là cháu Nguyễn Xuân Q, sinh ngày 09 tháng 01 năm 2004. Hiện nay cháu đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Chúng tôi không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn ông Nguyễn Văn B trình bày:* không cung cấp ý kiến, tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

Tòa án đã tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành hòa giải nhưng đương sự vắng mặt nên không hòa giải được với nhau về việc giải quyết vụ án. Do đó, Tòa án mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

*Tại phiên tòa,* bà V vắng mặt và có đơn yêu cầu vắng mặt, giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Ông B vắng mặt và không cung cấp thêm ý kiến, tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, là đảm bảo đúng theo trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan hệ hôn nhân và gia đình: bà V và ông B kết hôn có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn thì bà V, ông B phát sinh mâu thuẫn, mục đích của hôn nhân không đạt được, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc như bà V trình bày. Từ năm 2017, bà V và ông B đã không còn chung sống. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà V và ông B mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục thực hiện tình nghĩa vợ chồng theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình; mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của bà V là có cơ sở để chấp nhận theo Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Về con chung thì bà V, ông B có 01 con chung là cháu Quyên, sinh năm 2004 đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đương sự, kiểm sát viên và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: bà Hồ Thị Thúy V và ông Nguyễn Văn B có đăng ký kết hôn; bà V khởi kiện yêu cầu ly hôn, còn ông B là người có địa chỉ cư trú trên địa bàn thành phố X. Nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp ly hôn” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: ông Nguyễn Văn B đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông B vẫn vắng mặt không lý do. bà Hồ Thị Thúy V vắng mặt và co đơn xin vắng mặt. Nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: bà Hồ Thị Thúy V và ông Nguyễn Văn B tự nguyện quen biết, tìm hiểu nhau và tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M, thành phố X, tỉnh An Giang. Xét thấy: Để cuộc sống gia đình hạnh phúc, mục đích hôn nhân đạt được thì vợ chồng phải có tình cảm tự nguyện từ hai phía, chung thủy, tin tưởng, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Nhưng bà V kiên quyết xin ly hôn vì bà cho rằng ông B không chung thủy, vợ chồng thường xuyên cự cãi, ông B thường nhậu nhẹt, chửi bới bà V. Mâu thuẫn vợ chồng kéo dài đã lâu từ năm 2004 và trầm trọng đến mức từ năm 2017 đến nay, vợ chồng đã không còn chung sống, không còn liên lạc, ông B cũng không chăm lo cho con. Về phía ông Lợi, quá trình tố tụng, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần, cũng như mở phiên tòa lần thứ hai nhưng ông Lợi vẫn vắng mặt và không có ý kiến, điều này thể hiện ông Lợi không có nguyện vọng đoàn tụ. Những vấn đề này thể hiện mâu thuẫn của bà V và ông B đã trầm trọng, đời sống chung không thể

kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó yêu cầu khởi kiện của bà V là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Về con chung: bà V xác định bà và ông B có một con chung là cháu là Nguyễn Xuân Q, sinh ngày 09 tháng 01 năm 2004. Hiện nay cháu đã trưởng thành và có khả năng lao động nên bà V không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn ông B không có ý kiến về vấn đề con chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét về con chung.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: bà V và ông B đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét vấn đề này.

[4] Về án phí: bà V phải chịu án phí trong vụ án hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; các Điều 147; 227; 228; 238; 266; 271; 273; 278; 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 19; 51; 53; 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân:

Bà Hồ Thị Thúy V được ly hôn với ông Nguyễn Văn B.

2. Về con chung:

Bà Hồ Thị Thúy V và ông Nguyễn Văn B có 01 (một) con chung là cháu Nguyễn Xuân Q, sinh ngày 09 tháng 01 năm 2004. Hiện nay cháu đã trưởng thành và có khả năng lao động; nên không xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

4. Về án phí:

Bà Hồ Thị Thúy V phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001421 ngày 20 tháng 6 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố X (đã nộp xong).

5. Về quyền kháng cáo:

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND t. An Giang (phòng KTNV-THA);
- VKSND tp. X;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS tp. X;
- UBND p. M, tp. X, An Giang;
- (GCNKH số 20 ngày 06-01-2002)
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thùy Giang**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN –  
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phan Thị Hồng Thảo**

**Nguyễn Tấn Hậu**

**Nguyễn Thùy Giang**